

ỦY BAN NHÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

(DÙNG CHO HỆ ĐẠI HỌC)

VINH, 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị kinh doanh Mã số: 7340101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần: QT050	1.2. Tên học phần: Thực tập nghề nghiệp
1.3. Ký hiệu học phần: TTNN	1.4. Tên tiếng Anh: Professional Practice
1.5. Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
1.6. Số tín chỉ:	03
1.7. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	
- TT tại cơ sở, Làm TL, BTL, LVTN	135 tiết
- Tự học:	15 tiết
1.8. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên 1:	Tổ bộ môn QTKD
- Giảng viên 2:	Tổ bộ môn QTKD
1.9. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	QT chiến lược, quản trị sản xuất
- Học phần học trước:	QT chiến lược, quản trị sản xuất
- Học phần song hành:	Quản trị chuỗi cung ứng và logistics
1.10. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương

	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Thực tập/Tốt nghiệp <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ
--	---

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những vấn đề thực tế về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp, củng cố những lý thuyết đã được học và rèn luyện kỹ năng, bổ sung kinh nghiệm cho sinh viên.

Đồng thời, chủ động tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp, yêu thích đam mê kinh doanh và quản trị kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần (Course Objective - viết tắt là CO)

3.1. Về kiến thức

CO1: Phân tích được các vấn đề liên quan đến chiến lược, sản xuất, marketing, chất lượng,... trong các doanh nghiệp thực tế ở các lĩnh vực ngành nghề khác nhau.

3.2. Về kỹ năng

CO2: Kiểm soát chất lượng công việc của bản thân và nhóm

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO3: Tự chủ trong công việc của bản thân và tổ chức

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome - viết tắt là CLO)

Bảng 4.1. Các chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Mức độ CDR
CO1	CLO1.1	Phân tích được các vấn đề liên quan đến chiến lược, sản xuất, marketing, chất lượng,... trong các doanh nghiệp thực tế	- Thuyết giảng - Thảo luận - Học nhóm - Tự học	- Ý thức thực hành - Báo cáo	Sáng tạo (Create)
CO2	CLO2.1	Kiểm soát chất lượng công việc của bản thân và nhóm	Thực tập, thực tế	- Thuyết trình	Vận dụng (Manipulation)
CO3	CLO 3.1	Hướng dẫn, giám sát và điều phối, cải thiện hiệu	Thực tập, thực tế	- Ý thức thực hành	Tổ chức (Organization)

		quả hoạt động trong thực tế		- Báo cáo	
	CLO3.2	Bảo vệ được quan điểm cá nhân	Thực tập, thực tế	- Ý thức thực hành - Báo cáo	Tổ chức (Organization)

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần cho các chuẩn đầu ra của CTĐT

Bảng 5.1. Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLO	PLO			
	4		7	
	PI4.1	PI4.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1.1	M			
CLO 2.1		M,A		
CLO 3.1			M,A	
CLO 3.2				M,A
Học phần thực tập nghề nghiệp (*)	M	M,A	M,A	M,A

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bài đánh giá	Hình thức kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PI	Trọng số cho CLO	Điểm tối đa cho CLO	Trọng số cho học phần (%)
Đánh giá quá trình								
A1	Làm việc nhóm	Rubric 1	CLO 2.1	x	PI 4.3	50%	5	40%
	Thuyết trình theo nhóm	Rubric 2	CLO 3.2		PI 7.2	50%	5	
Đánh giá cuối kỳ								
A2	Hồ sơ học phần	Rubric 3	CLO1.1			50%	5	60%

		Rubric 4	CLO3.1	x	PI 7.1	50%	5	
--	--	----------	--------	---	--------	-----	---	--

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên nghỉ học dưới 30% số tiết của học phần được dự thi kết thúc học phần tại kỳ thi chính (thi lần 1);

- Sinh viên nghỉ học từ 30% đến dưới 50% số tiết của học phần thì không được dự thi hết học phần lần thứ 1, phải nhận điểm thi lần 1 (ĐT) là điểm 0, nhưng sau khi tự học lại những phần còn thiếu, được dự kỳ thi hết học phần lần thứ 2 (Thi lại).

- Sinh viên nghỉ học từ 50% số tiết trở lên thì không được dự thi hết học phần, phải nhận điểm đánh giá học phần là điểm 0 (điểm F) và phải học lại học phần đó.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần (9 tiết)	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
1	Nghiên cứu các chuyên đề về quản trị kinh doanh	Phòng seminar Khoa Kinh tế - QTKD nhà B	- Chia nhóm - Thảo luận chuyên đề	- Hệ thống hóa lý luận liên quan đến chuyên đề - Lựa chọn chuyên đề sẽ nghiên cứu	CLO1.1	A1.1
2	Tìm hiểu tổng quát đơn vị thực tập (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1])	- Phát biểu được quá trình hình thành,	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1

			- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thực tập - Làm quen với đơn vị thực tập		
3	Tìm hiểu tổng quát đơn vị thực tập (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	- Trình bày được cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ của đơn vị thực tập - Thực hành được một số hoạt động cơ bản của đơn vị	CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1
4	- Tìm hiểu lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1])	- Liệt kê được các hoạt động quản trị kinh doanh		

			- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	trong đơn vị thực tập - Phân tích được nội dung hoạt động quản trị kinh doanh trong đơn vị thực tập		
5	- Môi trường kinh doanh của đơn vị cơ sở (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	- Trình bày được các đối thủ cạnh tranh của đơn vị. - Phân tích được các ảnh hưởng của các môi trường bên trong bên ngoài đến đơn vị	CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1
6	- Văn hóa kinh doanh của đơn vị cơ sở (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp:	- Phân tích được các nét đặc trưng văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp.	CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1

			Thảo luận nhóm			
7	- Hiệu quả quản trị kinh doanh của đơn vị thực tập (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	- Trình bày được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh của đơn vị thực tập - Thực hành được công việc quản trị theo từng lĩnh vực	CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1
8	- Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh tại đơn vị cơ sở (đơn vị 1,2)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	- Áp dụng được các mô hình quản trị hiệu quả hiện nay - Đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh tại đơn vị cơ sở	CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 3.2	A1.1 A2.1
9	Tìm hiểu tổng quát đơn vị	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà:	- Phát biểu được	CLO 1.3 CLO 2.1	A1.1 A2.1

	thực tập (đơn vị 3,4)		<p>Đọc trước nội dung (tài liệu [1])</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm</p>	<p>quá trình hình thành, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thực tập</p> <p>- Làm quen với đơn vị thực tập</p>	<p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p>	
10	<p>Tìm hiểu tổng quát đơn vị thực tập (đơn vị 3,4)</p>	Đơn vị	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà:</p> <p>Đọc trước nội dung (tài liệu [1])</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm</p>	<p>- Trình bày được cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ của đơn vị thực tập</p> <p>- Thực hành được một số hoạt động cơ bản của đơn vị</p>	<p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A2.1</p>
11	<p>- Tìm hiểu lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị</p>	Đơn vị	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà:</p>	<p>- Liệt kê được các hoạt động</p>		

	thực tập (đơn vị 3,4)		<p>Đọc trước nội dung (tài liệu [1])</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm</p>	<p>quản trị kinh doanh trong đơn vị thực tập</p> <p>- Phân tích được nội dung hoạt động quản trị kinh doanh trong đơn vị thực tập</p>		
12	- Môi trường kinh doanh của đơn vị cơ sở (đơn vị 3,4)	Đơn vị	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1])</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm</p>	<p>- Trình bày được các đối thủ cạnh tranh của đơn vị.</p> <p>- Phân tích được các ảnh hưởng của các môi trường bên trong bên ngoài đến đơn vị</p>	<p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A2.1</p>
13	- Văn hóa kinh doanh của đơn vị cơ sở (đơn vị 3,4)	Đơn vị	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1])</p>	<p>- Phân tích được các nét đặc trưng văn hóa kinh</p>	<p>CLO 1.3</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A2.1</p>

			- Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	doanh của doanh nghiệp.		
14	- Hiệu quả quản trị kinh doanh của đơn vị thực tập (đơn vị 3,4)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	- Trình bày được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh của đơn vị thực tập - Thực hành được công việc quản trị theo từng lĩnh vực	CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1
15	- Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh tại đơn vị cơ sở (đơn vị 3,4)	Đơn vị	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	- Áp dụng được các mô hình quản trị hiệu quả hiện nay - Đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh tại đơn vị cơ sở	CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 3.2	A1.1 A2.1

Lưu ý:

- Học phần yêu cầu giảng viên xây dựng kế hoạch thực tập nghề nghiệp và duyệt Bộ môn trước khi tổ chức thực hiện 1 tuần.

- Số lượng đơn vị thực tập tối thiểu là 2 và tối đa là 4 (Cân đối nội dung thực hiện ở các đơn vị theo đúng kế hoạch giảng dạy và tình hình thực tế)

8. Học liệu: [1]. Tài liệu phát tay v_i đơn vị thực tập

Nghệ An, ngày tháng năm 2023

TL HIỆU TRƯỞNG



Hồ Thị Hiền

Trưởng bộ môn



Hoàng Thị Thúy Hằng

Người biên soạn



Phan Thị Hoa

PHỤ LỤC

Rubric 1: Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức và tham gia thực hiện	Không hoặc hiếm khi tham gia	Ít tham gia	Mỗi thành viên được phân chia công việc nhưng không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa thành viên nhóm.	Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác giữa các thành viên chưa cao.	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt.	40%
Thảo luận nhóm	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm	Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu. Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài.	Thu thập thông tin cơ bản về đề tài. Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài.	Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài. Đưa ra những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	30%
Hợp tác nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	Có 1-2 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận.	Có 3-4 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận.	Thường lắng nghe, chia sẻ trong nhóm.	Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm.	30%

--	--	--	--	--	--	--

Rubric 2: Thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung	Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác	Chủ đề trình bày không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có một số phần chưa chính xác	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung phù hợp và chính xác	50%
Trình bày	Slide không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	Slide trình bày phù hợp. Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan. Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide.	Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý. Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide.	Slide trình bày rõ ràng. Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý.	Slide được trình bày với bố cục rõ ràng, hợp lý. Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu.	25%

Trả lời câu hỏi	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	Câu trả lời không rõ ràng, ít liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời	Câu trả lời tập trung vào câu hỏi. Hơi thiếu tự tin khi trả lời	Trả lời ngắn gọn và phù hợp. Tự tin khi trả lời	Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi. Tự tin khi trả lời.	25%
-----------------	--	---	---	---	---	------------

Rubric 3: Viết báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Xác định vấn đề	Xác định vấn đề nghiên cứu yếu.	Xác định cơ bản vấn đề nghiên cứu.	Xác định vấn đề nghiên cứu tạm được.	Xác định vấn đề nghiên cứu khá tốt.	Xác định vấn đề nghiên cứu rõ ràng.	10%
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả nghiên cứu sơ sài. Nội dung giữa các chương không có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung không phù hợp với yêu cầu. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định	Kết quả nghiên cứu đáp ứng được một số mục tiêu nghiên cứu chính. Nội dung giữa các chương thiếu sự liên kết. Xác định được mục tiêu nghiên cứu, phương pháp và nội dung nghiên cứu nhưng chưa phù hợp hoàn toàn	Kết quả nghiên cứu đáp ứng được các mục tiêu nghiên cứu chính. Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với yêu cầu, phân tích trên cơ sở khoa học	Kết quả nghiên cứu giải quyết được đầy đủ các mục tiêu nghiên cứu của yêu cầu đề ra. Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với yêu cầu. Phân	70%

		không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.	với yêu cầu. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	nhưng còn sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở khoa học.	
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu.	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung. Khó tích cực trong công tác thu thập dữ liệu thực tế; chưa nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ. Có cố gắng trong công tác thu thập dữ liệu thực tế; nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế. Cố gắng tích cực trong công tác thu thập dữ liệu thực tế; nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo. Trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý; Cách đặt tên các bảng biểu, hình ảnh phù hợp. Cố gắng tích cực trong công tác thu thập dữ liệu thực tế; nhận thấy được tầm quan trọng của công tác này.	20%

Rubric 4: Đánh giá ý thức tại cơ sở thực tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Số buổi tham gia	Số buổi tham gia dưới 60%.	Tham gia trên 60% đến 70% số buổi theo quy định.	Tham gia trên 70% đến 80% số buổi theo quy định.	Tham gia trên 80% đến 90% số buổi theo quy định.	Tham gia trên 90% số buổi theo quy định.	20%
Thời gian	Đến địa điểm thực tập muộn >6 buổi.	Đến địa điểm thực tập muộn 5 - 6 buổi.	Đến địa điểm thực tập muộn 3 - 4 buổi.	Đến địa điểm thực tập muộn 1- 2 buổi (quá 15 phút).	Luôn đến địa điểm thực tập đúng giờ.	20%
Ý thức thực hiện nhiệm vụ được giao	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ được giao.	Hoàn thành trên 60% đến 70% nhiệm vụ được giao.	Hoàn thành trên 70% đến 80% nhiệm vụ được giao.	Hoàn thành trên 80% đến 90% nhiệm vụ được giao.	Hoàn thành trên 90% mọi nhiệm vụ được giao.	60%